TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị Mai P; địa chỉ: Số L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Tiến D; địa chỉ: Số Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18-11-2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Mai P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng vào năm 2018. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài. Nay xét

thấy không thể tiếp tục chung sống được, nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Hai bên có 02 con chung là Phạm Bảo Trâm A, sinh ngày 27-12-2017 và Phạm Ngọc Tú A, sinh ngày 15-01-2020. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Phạm Tiến D tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa và không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng, trong đó thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và ra quyết định mở phiên tòa đúng thời hạn theo quy định Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn, bảo đảm quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị P được ly hôn anh D, giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nơi bị đơn cư trú, đã thụ lý, giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bảo đảm quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa xét xử được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc xét xử vắng mặt bị đơn, phù hợp quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Mai P và anh Phạm Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2018, nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D là hợp pháp. Anh D vắng mặt tại phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử là một trong những căn cứ hợp pháp để đánh giá anh D từ bỏ nguyện vọng, mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, phù hợp với trình bày của đương sự, thể hiện quan hệ giữa vợ chồng đương sự ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Mai P được ly hôn anh Phạm Tiến D, phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị P và anh D có 02 con chung là Phạm Bảo Trâm A, sinh ngày 27-12-2017 và Phạm Ngọc Tú A, sinh ngày 15-01-2020. Tại phiên tòa, chị P trình bày hiện tại chị làm việc có thu nhập, có nơi ở ổn định, có khả năng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Anh D vắng mặt tại phiên tòa, không có quan điểm, ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố, mẹ trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con Phạm Bảo Trâm A và Phạm Ngọc Tú A cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp với với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị P đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị Mai P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Mai P được ly hôn anh Phạm Tiến D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo Trâm A, sinh ngày 27-12-2017 và Phạm Ngọc Tú A, sinh ngày 15-01-2020 cho chị Đào Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đào Thị Mai P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009534 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nên chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND phường HạLý, quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh